

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1436/2022/DS-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 790/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1336/2022/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2019/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số A đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Huyền T là đại diện theo ủy quyền (*Theo Giấy ủy quyền ngày 06/12/2021*)

Bị đơn: **1/ Ông Nguyễn Lâm K**, sinh năm 1970

2/ Bà Huỳnh Thị Ánh Ng, sinh năm 1969

Địa chỉ: Căn hộ X, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: **Ông Phạm Nguyễn Thế P**

Địa chỉ: Số M đường Cách Mạng Tháng Tám, phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông K, Bà Ng, Ông P vắng mặt, Bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021, bản tự khai của bà Trần Thị Huyền T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thông qua sự giới thiệu và bảo lãnh của Ông Phạm Nguyễn Thế P, vào các ngày 25/11/2020 và ngày 18/11/2020 Ông Nguyễn Văn H đã chuyển vào tài khoản cá nhân của Ông Nguyễn Lâm K số tiền 7.500.000.000 đồng, nội dung “Anh H chuyển tiền cho anh K mượn”. Sau đó vào các ngày 04/02/2021 và ngày 11/4/2021 Ông K cùng vợ là Bà Huỳnh Thị Ánh Ng đã cam kết chậm nhất là ngày 15/04/2021 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ông H. Ngày 30/6/2021, Ông H có nhận được xác nhận của Bà Ng xác nhận Ông K còn nợ số tiền 7.500.000.000 đồng chưa bao gồm tiền lãi và cam kết lịch trình thanh toán như sau:

- Cuối tháng 7/2021, thanh toán 300.000.000 đồng
- Cuối tháng 8/2021, thanh toán 2.000.000.000 đồng
- Cuối tháng 9/2021, thanh toán 2.000.000.000 đồng
- Cuối tháng 10/2021 thanh toán số tiền còn lại và tiền lãi

Ngày 13/5/2021 Ông K xác nhận nợ số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H và cam kết sẽ thanh toán như sau:

- Ngày 20/6/2021: thanh toán 3.700.000.000 đồng;
- Ngày 20/7/2021: thanh toán 3.800.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2021 Bà Ng và Ông K tiếp tục xác nhận thời hạn thanh toán số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H như sau:

- Ngày 25/10/2021: thanh toán 150.000.000 đồng;
- Ngày 25/11/2021: thanh toán toàn bộ lãi đến tháng 11/2021;
- Ngày 25/12/2021: thanh toán gốc từ 1.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng
- Ngày 25/01/2021 đến 25/01/2022: thanh toán gốc từ 1.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng
- Ngày 10/3/2021 đến ngày 10/3/2022: thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại.

Ngày 20/10/2021 Ông H cam kết sẽ tắt toán công nợ số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H trước ngày 31/12/2021.

Tuy nhiên, dù đã nhắc nhở nhiều lần Ông K và Bà Ng cố tình trốn tránh việc trả nợ. Nay, Ông H khởi kiện yêu cầu Ông K, Bà Ng thanh toán một lần số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/11/2020 tới ngày 15/2/2022 là 1.836.986.301 đồng, tổng cộng là 9.336.986.301 (chín tỉ, ba

trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm lẻ một) đồng. Trả một lần Ngy sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện.

Bà Hoàng Thị Thu V là vợ của Ông Nguyễn Văn H có bản trình bày ý kiến đối với khoản nợ 7.500.000.000 đồng mà Ông H cho vợ chồng Ông K vay đó là khoản tiền riêng của Ông H không liên quan đến bà Vân nên bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của Ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông K và Bà Ng thanh toán một lần số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và tiền lãi tính tới ngày xét xử được điều chỉnh lại là 1.054.107.000 đồng, tổng cộng 8.554.107.000 đồng (*tám tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn*) đồng. Trả một lần Ngy sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng phải trả số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ 3.800.000.000 đồng tính từ ngày 18/11/2020 và tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ 3.700.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2020 tới ngày xét xử là 1.054.107.000 đồng, tổng cộng 8.554.107.000 đồng (*tám tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn*) đồng là phù hợp với quy định nên đề nghị chấp yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Theo các Giấy nhận nợ và các tờ Biên nhận có chữ ký của Ông K và Bà Ng trong hồ sơ vụ án thể hiện địa chỉ của Ông K và Bà Ng tại Căn hộ X, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả trả lời xác minh ngày 04/01/2022 của Công an phường An Phú, thành phố Thủ Đức cho biết “Hiện nay căn hộ X, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai cư ngụ”. Theo kết quả trả lời xác minh ngày 16/02/2022 của Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 cho biết: “Bà Huỳnh Thị Ánh Ng có hộ khẩu thường trú tại số 125 Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 nhưng thực tế không cư ngụ tại địa phương. Hiện Bà Ng tạm trú tại căn hộ X, phường Y, thành phố Thủ Đức”. Theo kết quả trả lời xác minh ngày 21/01/2022 của Công an phường 8, Quận 5 cho biết: “Ông Nguyễn Lâm K có hộ khẩu thường trú tại số 20 Phước Hưng, Phường 8, Quận 5 nhưng thực tế không cư ngụ tại địa phương. Hiện Ông K tạm trú tại căn hộ D2-902 Imperia An Phú, phường An Phú, thành phố Thủ Đức”. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/NQ – HĐTP/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”, do đó xác định địa chỉ căn hộ X, phường Y, thành phố Thủ Đức là địa chỉ cư trú của Ông K và Bà Ng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình tiến hành tố tụng, do không thể tổng đạt trực tiếp cho Ông K và Bà Ng được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại căn hộ X, phường Y, thành phố Thủ Đức, Tp. Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh đối với Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Ngày 23/12/2021 niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 790/TBTL ngày 17/12/2021 và Giấy triệu tập đối với Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng để trình bày bản tự khai vào lúc 09 giờ ngày 04/01/2022;

- Ngày 24/01/2022 niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 15/02/2022;

- Ngày 21/3/2022 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1336/2022/QĐXX - DS, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/3/2022, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 06/4/2022;

- Ngày 08/4/2022 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 2019/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/4/2022;

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng.

Người làm chứng – Ông Phạm Nguyễn Thế P cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ông Phạm Nguyễn Thế P.

Bà Hoàng Thị Thu V là vợ của Ông Nguyễn Văn H có bản trình bày ý kiến đối với khoản nợ 7.500.000.000 đồng mà Ông H cho vợ chồng Ông K vay đó là khoản tiền riêng của Ông H không liên quan đến bà V nên không cần thiết đưa bà V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng phải trả số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và tiền lãi tới ngày xét xử là 1.054.107.000 đồng, tổng cộng là 8.554.107.000 đồng (*tám tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn*) đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H về việc đòi số tiền nợ gốc 7.500.000.000 đồng như sau:

Theo Giấy biên nhận không đề ngày (BL số 49) thể hiện nội dung Ông Nguyễn Lâm K mượn tiền của Ông Nguyễn Văn H số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ, tám trăm triệu) đồng, thời gian mượn từ ngày 18/11/2020 đến ngày 25/11/2020 và Giấy biên nhận không đề ngày (BL số 51) thể hiện nội dung Ông Nguyễn Lâm K mượn tiền của Ông Nguyễn Văn H số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ, bảy trăm triệu) đồng, thời gian từ ngày 25/11/2020 đến ngày 02/12/2020, các biên nhận trên đều có chữ ký mang tên Ông Nguyễn Lâm K. Theo đó, ngày 18/11/2020 Ông H đã chuyển số tiền 3.800.000.000 đồng vào số tài khoản số 279308 mang tên Nguyễn Lâm Hải được thể hiện tại Giấy ủy nhiệm chi ngày 18/11/2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Đông Sài Gòn với nội dung: “*Anh H chuyển cho anh K mượn*”. Ngày 25/11/2020 Ông H đã chuyển số tiền 3.700.000.000 đồng vào số tài khoản số 279308 mang tên Nguyễn Lâm Hải được thể hiện tại Giấy ủy nhiệm chi ngày 25/11/2020 của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Đông Sài Gòn với nội dung: “*Anh H chuyển cho anh K mượn*”.

Biên nhận không đề ngày có chữ ký mang tên Ông Nguyễn Lâm K xác nhận nội dung mượn Ông H số tiền 3.700.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 28/01/2021.

Ngày 04/02/2021 Ông K xác nhận nợ số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H và cam kết sẽ thanh toán chậm nhất ngày 15/4/2021.

Ngày 11/4/2021 Ông Nguyễn Lâm K và vợ là Bà Huỳnh Thị Ánh Ng có ký giấy xác nhận nợ với nội dung: “Ông K và Bà Ng xác nhận nợ Ông Nguyễn Văn H số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận”. Ngày 30/6/2021 Bà Ng tiếp tục ký giấy xác nhận nợ với nội dung: “Ông K và Bà Ng xác nhận nợ Ông H số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng, cam kết lịch trình thanh toán như sau:

- Cuối tháng 7/2021, thanh toán 300.000.000 đồng
- Cuối tháng 8/2021, thanh toán 2.000.000.000 đồng
- Cuối tháng 9/2021, thanh toán 2.000.000.000 đồng
- Cuối tháng 10/2021 thanh toán số tiền còn lại và tiền lãi.

Ngày 13/5/2021 Ông K xác nhận nợ số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H và cam kết sẽ thanh toán như sau:

- Ngày 20/6/2021: thanh toán 3.700.000.000 đồng;
- Ngày 20/7/2021: thanh toán 3.800.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2021 Bà Ng và Ông K tiếp tục xác nhận thời hạn thanh toán số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H như sau:

- Ngày 25/10/2021: thanh toán 150.000.000 đồng;
- Ngày 25/11/2021: thanh toán toàn bộ lãi đến tháng 11/2021;
- Ngày 25/12/2021: thanh toán gốc từ 1.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng
- Ngày 25/01/2021 đến 25/01/2022: thanh toán gốc từ 1.500.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng
- Ngày 10/3/2021 đến ngày 10/3/2022: thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại.

Ngày 20/10/2021 Ông H cam kết sẽ tắt toán công nợ số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng với Ông H trước ngày 31/12/2021.

Căn cứ vào các Biên nhận không đề ngày (BL số 49 và BL số 51) và Giấy ủy nhiệm chi ngày 18/11/2020 và ngày 25/11/2020 đã được Tòa án đối chiếu với bản chính do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung Ông Nguyễn Lâm K và vợ là Bà Huỳnh Thị Ánh Ng có vay của Ông Nguyễn Văn H số tiền 7.500.000.000 (bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn đối với số tiền 3.800.000.000 đồng từ ngày 18/11/2020 đến ngày 25/11/2020, thời hạn mượn đối với số tiền 3.700.000.000 đồng từ ngày 25/11/2020 đến ngày 02/12/2020. Các tài liệu này không được xác nhận chữ ký và do một phía nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Ông K và Ng đã được tổng đạt hợp lệ đến tòa để trình bày lời khai, đối chất và hòa giải về số nợ nêu trên nhưng Ông K và Ng không đến tòa là không tôn trọng quy định của pháp luật, cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình đồng thời tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu,

chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là chứng cứ chứng minh quan hệ giao dịch vay tài sản giữa Ông H với Ông K và Bà Ng. Quan hệ giao dịch này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy tại các Giấy biên nhận vay tiền chỉ có chữ ký của Ông K nhưng các giấy cam kết trả nợ đều có chữ ký của Bà Ng và Ông K nên Ông K và Bà Ng phát sinh nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ông H. Do Ông K và Bà Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết tại các giấy cam kết trả nợ nên ngày 18/6/2021, ngày 29/6/2021 và ngày 29/7/2021 Ông H đã ủy quyền cho Công ty Luật TNHH MTV KNA gửi Thông báo yêu cầu Ông K và Bà Ng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ 7.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ông K và Bà Ng không có ý kiến phản hồi gì và cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ông H. Do đó, Ông H yêu cầu Ông K và Bà Ng phải thanh toán đối với khoản nợ 7.500.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Việc thanh toán thực hiện một lần Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi Ông H yêu cầu Ông K và Bà Ng số tiền 1.054.107.000 đồng Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Tại các giấy biên nhận thỏa thuận mượn tiền các bên có thỏa thuận trả lãi nhưng không xác định được lãi suất nên tiền lãi sẽ được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Giấy biên nhận không đề ngày (BL số 49) thể hiện nội dung Ông Nguyễn Lâm K mượn tiền của Ông Nguyễn Văn H số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ, tám trăm triệu) đồng, thời gian mượn từ ngày 18/11/2020 đến ngày 25/11/2020, như vậy xác định thời gian tính lãi đối với khoản vay 3.800.000.000 (ba tỷ, tám trăm triệu) đồng được tính từ ngày 18/11/2020 đến ngày xét xử vụ án là ngày 28/4/2022, lãi suất 10%/năm. Tiền lãi sẽ được tính cụ thể như sau:

+ Tiền lãi (từ ngày 18/11/2020 đến ngày 28/4/2022): $3.800.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 524 \text{ ngày} = 537.624.000 \text{ đồng}$. (1)

Theo Giấy biên nhận không đề ngày (BL số 51) thể hiện nội dung Ông Nguyễn Lâm K mượn tiền của Ông Nguyễn Văn H số tiền 3.700.000.000 (ba tỷ, bảy trăm triệu) đồng, thời gian từ ngày 25/11/2020 đến ngày 02/12/2020. Như vậy xác định thời gian tính lãi trong hạn đối với khoản vay 3.700.000.000 (ba tỷ, bảy trăm triệu) đồng được tính từ 25/11/2020 đến ngày xét xử vụ án là ngày 28/4/2022, lãi suất 10%/năm. Tiền lãi sẽ được tính cụ thể như sau:

+ Tiền lãi (từ ngày 25/11/2020 đến ngày 28/4/2022): $3.700.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 517 \text{ ngày} = 516.483.000 \text{ đồng}$. (2)

Tổng cộng tiền lãi: (1) + (2) = 1.054.107.000 (một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn) đồng.

Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính đến ngày xét xử là 1.054.107.000 (một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn) đồng là phù hợp với quy định và có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà Ông K và Bà Ng phải trả cho Ông H là: nợ gốc 7.500.000.000 đồng + nợ lãi 1.054.107.000 đồng = 8.554.107.000 đồng (*tám tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn*) đồng.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H.

Buộc Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Nguyễn Văn H tổng cộng số tiền tính đến ngày 28/4/2022 là 8.554.107.000 đồng (*tám tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn*) đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 (*bảy tỷ, năm trăm triệu*) đồng và tiền lãi là 1.054.107.000 (*một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ bảy ngàn*) đồng. Thanh toán một lần Ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Lâm K và Bà Huỳnh Thị Ánh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.554.107 (*một trăm mười sáu triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, một trăm lẻ bảy*) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ông Nguyễn Văn H là 58.454.166 (*năm mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn, một trăm sáu mươi sáu*)

đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025084 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- THA Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến